

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập  
Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6  
năm 2015;*

*Căn cứ Luật công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến  
quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công  
chứng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của  
Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một  
số điều của Luật công chứng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 677/TTr-STP  
ngày 23 tháng 12 năm 2019.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 02 năm 2020 và thay thế Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Bình Thuận ban hành quy định về Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Hội Công chứng viên tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC. N

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Hai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2020/QĐ-UBND*

*ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về nguyên tắc và tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận nhằm lựa chọn hồ sơ tốt nhất trong các hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng để đảm bảo Văn phòng công chứng được thành lập có đội ngũ công chứng viên tốt, hoạt động ổn định, nâng chất lượng hoạt động của Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các công chứng viên có hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

#### **Điều 2. Nguyên tắc xét duyệt hồ sơ**

1. Thực hiện xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trong trường hợp có từ 02 (hai) hồ sơ đề nghị thành lập trở lên trên cùng một địa bàn cấp huyện.

Trong trường hợp có 01 (một) hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên một địa bàn cấp huyện thì không thực hiện xét duyệt theo quy định của tiêu chí này. Giao Sở Tư pháp thực hiện xét duyệt hồ sơ, trình UBND tỉnh quyết định thành lập và đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng theo quy định tại Điều 23 Luật công chứng năm 2014.

2. Việc xét duyệt thành lập Văn phòng công chứng phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với nhu cầu công chứng của

từng địa bàn cấp huyện, bảo đảm tổ chức hành nghề công chứng phát triển gắn với địa bàn dân cư, đáp ứng đầy đủ nhu cầu công chứng các hợp đồng, giao dịch của cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

3. Việc xét duyệt và tính điểm hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng xét theo thang điểm có mức tối thiểu, tối đa, có căn cứ cụ thể vào các tiêu chí và có sự ưu tiên theo từng tiêu chí.

4. UBND tỉnh quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng đối với hồ sơ đạt tổng số điểm cao nhất trong cùng một địa bàn cấp huyện.

5. Không xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng đối với các trường hợp sau:

a) Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu về loại hình hoạt động của Văn phòng công chứng, điều kiện đối với Trưởng văn phòng công chứng, tên gọi của Văn phòng công chứng, trụ sở của Văn phòng công chứng theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 22 Luật công chứng năm 2014.

b) Công chứng viên tham gia thành lập Văn phòng công chứng đang bị tạm đình chỉ hành nghề công chứng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật công chứng, hoặc thuộc trường hợp phải miễn nhiệm công chứng viên theo quy định tại Điều 15 Luật công chứng năm 2014.

6. Các trường hợp không được cộng điểm theo tiêu chí về nhân sự:

a) Công chứng viên còn đang hoạt động hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng.

b) Công chứng viên bị xử phạt vi phạm hành chính từ 02 lần trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ.

c) Công chứng viên đang thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

d) Thư ký nghiệp vụ, nhân sự phụ trách kế toán, công nghệ thông tin, lưu trữ đang làm việc tại các tổ chức hành nghề công chứng; tại các đơn vị, doanh nghiệp khác hoặc đang là công chức, viên chức nhà nước.

### **Điều 3. Trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ; công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng**

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp UBND tỉnh thực hiện việc thông báo thời hạn tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn thành phần hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng. Thực hiện việc xét duyệt và giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng theo quy định.

2. Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật công chứng năm 2014, chịu trách

nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và các giấy tờ chứng minh về những nội dung trình bày trong Đề án thành lập Văn phòng công chứng.

#### **Điều 4. Các tiêu chí xét duyệt hồ sơ**

Hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng được xét duyệt, chấm điểm trên 04 tiêu chí được nêu trong đề án thành lập Văn phòng công chứng. Các tiêu chí xét duyệt hồ sơ gồm:

1. Tiêu chí về tổ chức nhân sự của Văn phòng công chứng, gồm: Công chứng viên là Trưởng Văn phòng, công chứng viên hợp danh, nhân viên nghiệp vụ, nhân sự phụ trách kế toán, nhân sự phụ trách công nghệ thông tin, nhân sự phụ trách lưu trữ, khả năng quản trị của Trưởng Văn phòng công chứng.
2. Tiêu chí về trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng.
3. Tiêu chí về các điều kiện vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ của Văn phòng công chứng.
4. Tiêu chí về tính khả thi của Đề án thành lập Văn phòng công chứng.

#### **Điều 5. Cơ cấu thang điểm**

1. Việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng căn cứ vào các tiêu chí nêu tại Điều 4 của Quy định này. Cơ cấu thang điểm và tổng số điểm chấm của các tiêu chí tối đa là 100 điểm trên một hồ sơ, chia làm 04 nhóm tiêu chí.

2. Cơ cấu điểm của các nhóm tiêu chí:

- a) Tiêu chí về tổ chức nhân sự của Văn phòng công chứng: Tối đa 40 điểm.
- b) Tiêu chí về trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng: Tối đa 30 điểm.
- c) Tiêu chí các điều kiện về cơ sở vật chất, điều kiện thực hiện các quy định về phòng, chống cháy nổ, ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ của Văn phòng công chứng: Tối đa 15 điểm.
- d) Tiêu chí về tính khả thi của Đề án thành lập Văn phòng công chứng: Tối đa 15 điểm.

3. Kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị UBND tỉnh cho phép thành lập Văn phòng công chứng ít nhất phải đạt từ 75/100 điểm; trong đó mỗi nhóm tiêu chí phải đạt ít nhất 50% số điểm của từng nhóm tiêu chí nêu tại Khoản 2 Điều này.

**Chương II**  
**NỘI DUNG CÁC TIÊU CHÍ, SỐ ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP**  
**TÍNH ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ**

**Điều 6. Tiêu chí và số điểm của tiêu chí tổ chức nhân sự (40 điểm)**

1. Công chứng viên: 20 điểm.

a) Văn phòng công chứng có 02 công chứng viên: 07 điểm.

b) Văn phòng công chứng có từ 03 công chứng viên trở lên thì cộng thêm 02 điểm/01 công chứng viên thứ ba trở lên, điểm cộng tối đa không quá 04 điểm.

c) Trưởng Văn phòng công chứng là công chứng viên có thời gian hành nghề dưới 05 năm: 02 điểm; từ 05 năm trở lên: 04 điểm.

d) Trưởng Văn phòng là công chứng viên có chứng chỉ nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp hoặc quản lý văn phòng: 02 điểm.

đ) Công chứng viên hợp danh có thời gian hành nghề dưới 05 năm: 02 điểm; từ 05 năm trở lên: 03 điểm.

2. Nhân viên nghiệp vụ: 10 điểm.

a) Có 01 nhân viên nghiệp vụ trình độ Đại học chuyên ngành Luật: 04 điểm.

b) Có từ 02 nhân viên nghiệp vụ trở lên, có trình độ Đại học chuyên ngành Luật: 01 điểm/01 nhân viên, điểm cộng thêm tối đa không quá 02 điểm.

c) Trường hợp nhân viên nghiệp vụ có Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng: 02 điểm/01 nhân viên, điểm cộng thêm tối đa không quá 04 điểm.

3. Nhân viên khác: 10 điểm.

a) Nhân viên làm công tác kế toán: 03 điểm.

- Có trình độ Cao đẳng chuyên ngành kế toán: 02 điểm.

- Có trình độ Đại học chuyên ngành kế toán trở lên: 03 điểm.

b) Nhân viên làm nhiệm vụ công nghệ thông tin: 04 điểm.

- Có trình độ Cao đẳng chuyên ngành công nghệ thông tin: 02 điểm.

- Có trình độ Đại học chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên: 04 điểm.

c) Nhân viên thủ quỹ, văn thư lưu trữ: 03 điểm.

- Có 01 nhân viên văn thư: 01 điểm.

- Có 01 nhân viên thủ quỹ: 01 điểm.

- Nhân viên có chứng chỉ nghiệp vụ lưu trữ: 01 điểm.

**Điều 7. Tiêu chí và số điểm của tiêu chí trụ sở làm việc (30 điểm)**

1. Tổng diện tích sử dụng của trụ sở Văn phòng công chứng: 08 điểm.

a) Có tổng diện tích từ 120 m<sup>2</sup> đến 150 m<sup>2</sup>: 06 điểm.

b) Có tổng diện tích trên 150 m<sup>2</sup>: 08 điểm.

2. Vị trí dự kiến đặt trụ sở: 05 điểm.

a) Đặt tại đơn vị hành chính cấp huyện chưa có tổ chức hành nghề công chứng: 05 điểm.

b) Đặt tại đơn vị hành chính cấp huyện đã có 01 tổ chức hành nghề công chứng: 03 điểm.

c) Đặt tại đơn vị hành chính cấp huyện đã có 02 tổ chức hành nghề công chứng: 02 điểm.

d) Đặt tại đơn vị hành chính cấp huyện đã có 03 tổ chức hành nghề công chứng trở lên: 01 điểm.

3. Khoảng cách dự kiến đặt trụ sở Văn phòng công chứng mới thành lập theo Kế hoạch của UBND tỉnh so với trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng hiện có: 05 điểm.

a) Từ 10 km trở lên: 05 điểm.

b) Từ 07 km trở lên: 03 điểm.

c) Từ 05 km trở lên: 01 điểm.

d) Địa bàn chưa có tổ chức hành nghề công chứng: Tính điểm tối đa (05 điểm).

4. Tính pháp lý của trụ sở Văn phòng công chứng: 06 điểm.

a) Trụ sở là nhà, đất có giấy tờ chứng minh thuộc quyền sở hữu của một trong các công chứng viên hợp danh đề nghị thành lập Văn phòng công chứng: 06 điểm.

b) Trụ sở là nhà, đất đi thuê thời hạn thuê trên 05 năm: 03 điểm.

c) Trụ sở là nhà, đất đi thuê thời hạn thuê là dưới 05 năm: 02 điểm.

5. Diện tích dành cho Phòng tiếp cá nhân, tổ chức có yêu cầu công chứng: 02 điểm.

a) Diện tích dưới 30 m<sup>2</sup>: 01 điểm.

b) Diện tích từ 30 m<sup>2</sup> trở lên: 02 điểm.

6. Diện tích dành cho kho lưu trữ hồ sơ đã công chứng: 02 điểm.

a) Diện tích dưới 50 m<sup>2</sup>: 01 điểm.

b) Diện tích từ 50 m<sup>2</sup> trở lên: 02 điểm.

7. Trụ sở có địa điểm giữ xe thuận lợi, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông: 02 điểm.

**Điều 8. Tiêu chí và số điểm của tiêu chí cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ (15 điểm)**

1. Máy photocopy, máy vi tính và máy in vi tính: 04 điểm.

a) Có trang bị máy photocopy, máy vi tính và máy in vi tính: 04 điểm.

b) Có hóa đơn, chứng từ chứng minh chuẩn bị cho việc trang bị máy photocopy, máy vi tính và máy in vi tính: 02 điểm.

2. Tủ đựng tài liệu; máy điện thoại cố định, máy fax; bàn ghế ngồi làm việc, bàn ghế tiếp khách và các trang thiết bị khác: 04 điểm.

a) Có tủ đựng tài liệu; máy điện thoại cố định, máy fax; bàn ghế ngồi làm việc, bàn ghế tiếp khách và các trang thiết bị khác: 04 điểm.

b) Có hóa đơn, chứng từ chứng minh trang bị tủ đựng tài liệu; máy điện thoại cố định, máy fax; bàn ghế ngồi làm việc, bàn ghế tiếp khách và các trang thiết bị khác: 02 điểm.

3. Lắp đặt thiết bị về phòng chống cháy nổ: 02 điểm.

a) Có lắp đặt thiết bị về phòng chống cháy nổ: 02 điểm.

b) Có hóa đơn, chứng từ chứng minh việc lắp đặt thiết bị về phòng chống cháy nổ: 01 điểm.

4. Có xây dựng quy trình nghiệp vụ công chứng và lưu trữ hồ sơ công chứng 02 điểm:

a) Xây dựng quy trình nghiệp vụ công chứng: 01 điểm.

b) Xây dựng quy trình nghiệp vụ lưu trữ hồ sơ công chứng: 01 điểm.

5. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và có chứng từ chứng minh: 03 điểm.

a) Đăng ký kết nối mạng Internet: 01 điểm.

b) Đăng ký sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực: 01 điểm.

c) Sử dụng phần mềm quản lý nghiệp vụ kế toán: 01 điểm.

**Điều 9. Số điểm về tính khả thi của triển khai thực hiện Đề án (15 điểm)**

1. Công chứng viên tham gia Đề án thành lập Văn phòng công chứng là người địa phương, sinh sống tại tỉnh Bình Thuận. Có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bình Thuận từ 01 năm trở lên: 05 điểm.

2. Trưởng Đề án có chứng từ chứng minh việc mở tài khoản ngân hàng để đảm bảo thực hiện Đề án khi UBND tỉnh quyết định cho phép thành lập: 05 điểm.

3. Trang bị đầy đủ các điều kiện cơ sở vật chất và đảm bảo thực hiện, đạt 100% số điểm về cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin: 05 điểm.

### **Chương III** **THÔNG BÁO, TIẾP NHẬN, XÉT DUYỆT HỒ SƠ VÀ CÁCH THỨC** **CHẤM ĐIỂM HỒ SƠ**

#### **Điều 10. Thông báo, tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng**

1. Định kỳ hàng năm, căn cứ kế hoạch của UBND tỉnh, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu công chứng của người dân của từng địa bàn cấp huyện, Sở Tư pháp thông báo tiếp nhận hồ sơ, thời gian tiếp nhận và hướng dẫn thành phần hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng cho phù hợp, bảo đảm tổ chức hành nghề công chứng thành lập gắn với địa bàn dân cư, vùng sâu, vùng xa đáp ứng nhu cầu công chứng của cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

2. Kết thúc thời hạn nộp hồ sơ kể từ ngày ra thông báo, Sở Tư pháp có trách nhiệm xét duyệt, chấm điểm từng hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng để trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập theo thời hạn quy định. Trường hợp từ chối, Sở Tư pháp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Luật công chứng năm 2014.

#### **Điều 11. Cách thức xét duyệt hồ sơ**

1. Giám đốc Sở Tư pháp thành lập Tổ xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng (viết tắt là Tổ xét duyệt) có từ 05 hoặc 07 thành viên và 01 thư ký là đại diện các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở

2. Tổ xét duyệt có trách nhiệm xây dựng Bảng chấm điểm hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng (viết tắt là Bảng chấm điểm), trong đó có các nội dung: Tên Văn phòng công chứng đề nghị thành lập, địa chỉ trụ sở Văn phòng công chứng, thời gian mở niêm phong hồ sơ và chấm điểm, các tiêu chí chấm điểm và số điểm được quy định tại Chương II của Quy định này, điểm số chấm thực tế của hồ sơ.



3. Tổ xét duyệt tổ chức họp, tiến hành mở niêm phong từng hồ sơ và chấm điểm hồ sơ dựa trên Bảng chấm điểm do Tổ xét duyệt xây dựng. Bảng chấm điểm phải được các thành viên Tổ xét duyệt ký và ghi rõ họ tên trước khi chuyển đến thư ký tổng hợp.

4. Sở Tư pháp thực hiện xét duyệt đối với hồ sơ đề nghị thành lập đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật công chứng năm 2014.

### **Điều 12. Cách thức chấm điểm hồ sơ**

1. Điểm của từng hồ sơ được tính bằng cách lấy điểm chấm của các thành viên của Tổ xét duyệt cộng lại và chia cho số lượng thành viên tham gia chấm điểm.

2. Việc xét duyệt và chấm điểm hồ sơ phải được lập thành biên bản và có chữ ký của các thành viên Tổ xét duyệt.

3. Kết quả xét duyệt, chọn hồ sơ đề nghị UBND tỉnh quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng phải có tổng số điểm cộng cao nhất theo cơ cấu thang điểm quy định tại Điều 5 của Tiêu chí này trong số các hồ sơ đề nghị thành lập trong cùng một đơn vị cấp huyện.

4. Trường hợp có nhiều hồ sơ có số điểm bằng nhau trong cùng một đơn vị cấp huyện thì hồ sơ đề nghị xét chọn lần lượt theo các thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Hồ sơ có số điểm cộng về tiêu chí tổ chức nhân sự quy định tại Điều 6 của Tiêu chí này cao hơn.

b) Hồ sơ có số điểm cộng về tiêu chí trụ sở làm việc quy định tại Điều 7 của Tiêu chí này cao hơn.

c) Hồ sơ có số điểm cộng về tiêu chí cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại Điều 8 của Tiêu chí này cao hơn.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xét duyệt, Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến Hội Công chứng viên tỉnh đối với việc thành lập Văn phòng công chứng và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo quy định. Thông báo bằng văn bản kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng cho công chứng viên có hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tư pháp**

1. Giúp UBND tỉnh thông báo tiếp nhận, kiểm tra, xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng. Thực hiện xác minh hoạt động hành

nghề của công chứng viên có hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng; xác minh các điều kiện trụ sở làm việc, cơ sở vật chất được quy định tại Tiêu chí này trước khi thực hiện xét duyệt hồ sơ và trình UBND tỉnh cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo quy định của pháp luật về công chứng, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định của Tiêu chí này.

2. Sau khi UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện về trụ sở của Văn phòng công chứng theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng trước khi thực hiện cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng. Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do theo quy định của Khoản 4 Điều 23 Luật công chứng năm 2014.

3. Theo dõi việc triển khai thực hiện các nội dung đã nêu trong hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng của Văn phòng công chứng được UBND tỉnh cho phép thành lập. Trường hợp phát hiện Văn phòng công chứng được thành lập không bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động theo quy định của Luật công chứng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì tiến hành kiểm tra, lập hồ sơ đề nghị UBND tỉnh ra quyết định thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo quy định của Điều 30 Luật công chứng.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc đề nghị thành lập Văn phòng công chứng**

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập Văn phòng công chứng có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của Luật công chứng năm 2014, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định của Tiêu chí này. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và các giấy tờ chứng minh nội dung đã trình bày trong Đề án đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

2. Sau khi UBND tỉnh quyết định cho phép thành lập, công chứng viên đề nghị thành lập Văn phòng công chứng nộp các giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng khi nộp hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động theo quy định của Điều 17 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ.

3. Cam kết thực hiện đúng các nội dung đã nêu trong Đề án thành lập Văn phòng công chứng sau khi được UBND tỉnh cho phép thành lập và được Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động.

#### **Điều 15. Khiếu nại, tố cáo**

1. Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng có quyền khiếu nại về việc từ chối cho phép thành lập Văn phòng công chứng khi có căn cứ cho rằng việc từ chối là chưa phù hợp với quy định của Luật công chứng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các hành vi vi phạm pháp luật và Quy định này trong việc tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

3. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

### **Điều 16. Tổ chức thực hiện**

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, tổ chức kịp thời báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) để xem xét, chỉ đạo xử lý theo quy định pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Hai**